

Số: 27 /GPMT-BQL

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;*

*Căn cứ Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND thành phố Hà Nội về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính về lĩnh vực môi trường trong Khu công nghiệp thuộc phạm vi quản lý của UBND Thành phố;*

*Căn cứ Quyết định số 1707/QĐ-UBND ngày 22/3/2023 của UBND thành phố Hà Nội công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;*

*Xét đề nghị của Công ty TNHH Hanoi Steel Center tại Văn bản số 214-23 ngày 01/11/2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Công ty TNHH Hanoi Steel Center”, Văn bản số 280-23/CV-HSC ngày 25/12/2023 về việc bổ sung hoàn thiện hồ sơ cấp Giấy phép môi trường của Cơ sở và các hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 67/TTr-QLTNMT ngày 27/12/2023.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Hanoi Steel Center, địa chỉ trụ sở chính: Lô M5B (F-2), Khu công nghiệp Thăng Long, xã Võng La, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở “Công ty TNHH Hanoi Steel Center” với các nội dung như sau:



## **1. Thông tin chung của Cơ sở:**

1.1. Tên Cơ sở: “Công ty TNHH Hanoi Steel Center”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô M5B (F-2), Khu Công nghiệp Thăng Long, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hanoi Steel Center, mã số doanh nghiệp 0101304653 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 13/3/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 10/4/2019. Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 9881733266 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp chứng nhận lần đầu ngày 13/3/2008, chứng nhận điều chỉnh lần 15 ngày 22/12/2022.

1.4. Mã số thuế: 0101304653.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công kim loại và kim loại màu dưới dạng tấm, cuộn và các bộ phận kim loại chính xác phục vụ cho ngành công nghiệp điện, điện tử, ô tô, xe máy, đồ gia dụng và các ngành công nghiệp khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Cơ sở:

- Dự án có tiêu chí về môi trường thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Tổng mức đầu tư: 336.000.000.000 đ (Ba trăm ba mươi sáu tỷ đồng).

- Diện tích sử dụng đất: 47.533 m<sup>2</sup>.

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: 180.000 tấn sản phẩm/năm sản xuất ổn định.

- Tóm tắt quy trình công nghệ sản xuất:

Nguyên liệu (thép, đồng, nhôm dạng tấm, cuộn) → Phân loại → Xẻ, cắt → Kiểm tra → Đóng gói sản phẩm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Thực hiện đấu nối, xử lý nước thải và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.





2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hanoi Steel Center:

1. Có quyền, nghĩa vụ: Theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội, cơ quan chức năng nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội để được hướng dẫn.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày ..../ tháng ..../ năm 2023 đến ngày ..../ tháng ..../ năm 2033).

**Điều 4.** Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường tham mưu để phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, UBND huyện Đông Anh và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./

**Nơi nhận:**

- UBND Thành phố;
- PCT UBND TP Nguyễn Mạnh Quyền (để b/c);
- Văn phòng UBNDTP;
- Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội (để p/h);
- UBND huyện Đông Anh;
- Văn phòng BQL (để đăng tải lên Trang thông tin điện tử của Ban Quản lý);
- Công ty TNHH KCN Thăng Long;
- Công ty TNHH Hanoi Steel Center;
- Lưu: VT, QLTMNT.



**TRƯỞNG BAN**

**Lê Quang Long**





**Phụ lục 1****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 27 /GPMT-BQL ngày 27 tháng 12 năm 2023 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

- Nguồn phát sinh nước thải (Nước thải sinh hoạt): từ nhà bếp, nhà vệ sinh với lưu lượng phát sinh tối đa là 32 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thăng Long, không xả trực tiếp ra môi trường).

- Chủ cơ sở đã ký hợp đồng thuê thuê đất và sử dụng tiện ích số TLIP-UA-059 ngày 05/3/2008 với Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long (Chủ đầu tư chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thăng Long và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung), trong đó có thỏa thuận đầu nối nước thải và sử dụng dịch vụ hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:****1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nguồn thải: Nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy.

Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh → Ống thu gom PVC đường kính Ø76 chiều dài khoảng 105m → Bể tự hoại có cấu tạo 3 ngăn (gồm 03 bể: V<sub>1</sub>=3,5m<sup>3</sup>, V<sub>2</sub>=1,3m<sup>3</sup> và V<sub>3</sub>=49,3m<sup>3</sup>) → Ống thu gom PVC đường kính Ø76, chiều dài 450m, độ dốc i = 1% → Hệ thống xử lý nước thải công suất 32 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để tiếp tục xử lý .

Nước thải sinh hoạt từ nhà bếp → Ống thu gom PVC đường kính Ø76 chiều dài khoảng 25m → Bể tách dầu có cấu tạo 2 ngăn (gồm 01 bể, thể tích 1,2m<sup>3</sup>) → Ống thu gom PVC đường kính Ø76, chiều dài 140m, độ dốc i = 1% → Hệ thống xử lý nước thải công suất 32 m<sup>3</sup>/ngày.đêm để tiếp tục xử lý.

Nước thải sau xử lý từ Hệ thống xử lý nước thải công suất 32m<sup>3</sup>/ngày.đêm → đường ống UPVC đường kính Ø90, chiều dài 4 m → hố ga (1x1x1,2m) → đường ống UPVC đường kính Ø160, chiều dài 5m → đầu nối hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Khu công nghiệp Thăng Long (qua 01 điểm xả, tọa độ điểm đầu nối: X= 2 336 054; Y= 579 431 theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°).



## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải → Bể điều hòa (27,9 m<sup>3</sup>) → Bể khử Nitơ (11,5 m<sup>3</sup>) → Bể Nitrat hóa (26,3 m<sup>3</sup>) → Bể lắng bùn (12,6 m<sup>3</sup>) → Bể khử trùng (4,2 m<sup>3</sup>) → Đầu nối Hệ thống thu gom và xử lý nước thải của Khu công nghiệp Thăng Long (qua 01 điểm xả, tọa độ điểm đầu nối: X= 2 336 054; Y= 579 431 theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°).

- Công suất hệ thống: 32 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Methanol 99%, Viên nén TCCA (khử trùng).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

## 1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Có biện pháp ứng phó sự cố đối với nước thải trong các trường hợp lưu lượng nước thải tăng, chất lượng nước thải đầu ra không đạt yêu cầu, sự cố liên quan đến nứt vỡ đường ống thu gom và thoát nước thải: toàn bộ nước thải được lưu giữ tạm thời tại bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải, tiến hành điều chỉnh công suất vận hành để giảm lượng nước thải phát sinh. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài, dừng hoạt động sản xuất để khắc phục. Chỉ tiến hành sản xuất trở lại sau khi hệ thống xử lý nước thải được hoàn toàn khắc phục sự cố.

- Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải; thường xuyên kiểm tra tình trạng nước thải tại điểm đầu nối, định kỳ quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải sau xử lý.

- Định kỳ kiểm tra, bổ sung vi sinh hệ thống xử lý nước thải.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

03 tháng (thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm dự kiến: tháng 01/2024)

### 2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 32 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí.

- Tại bể điều hòa trước xử lý.

- Tại điểm đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải KCN Thăng Long.

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

- Thông số quan trắc: lưu lượng, pH, BOD<sub>5</sub>, TSS, TDS, Sunfua, Amoni (tính theo N), Nitrat (NO<sub>3</sub><sup>-</sup>) (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động





bề mặt, Phosphat ( $\text{PO}_4^{3-}$ ) (tính theo P), Tổng Coliforms.

- Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải của Khu công nghiệp Thăng Long theo hợp đồng đầu nối nước thải.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Tuân thủ quy định tại Khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, việc quan trắc chất thải do Chủ dự án tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Thăng Long, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thăng Long để tiếp tục xử lý.

3.3. Không được phép xả nước thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.4. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất vận hành hiệu quả hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Cơ sở.

3.5. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Nhà máy.

3.6. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải. Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.7. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm, chủ đầu tư phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội theo quy định.

3.8. Vận hành hệ thống thu gom, thoát nước mưa, nước thải đảm bảo các yêu cầu về thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Nhà máy.



**Phụ lục 2****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 21 /GPMT-BQL ngày 23 tháng 12 năm 2023  
của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

**A. NỘI DUNG VỀ CẤP PHÉP TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- + Nguồn số 01: tại khu vực máy cắt của xưởng A
- + Nguồn số 02: tại khu vực máy cắt của xưởng B
- + Nguồn số 03: tại khu vực máy cắt của xưởng C
- + Nguồn số 04: tại khu vực máy cắt của xưởng D
- + Nguồn số 05: tại khu vực máy xẻ của xưởng A
- + Nguồn số 06: tại khu vực máy xẻ của xưởng B
- + Nguồn số 07: tại khu vực máy xẻ của xưởng C
- + Nguồn số 08: tại khu vực máy xẻ của xưởng D
- + Nguồn số 09: Từ các máy thổi khí, máy bơm từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, công suất 32 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- + Nguồn số 01: Tọa độ: X = 2 335 949; Y = 579 476.
- + Nguồn số 02: Tọa độ: X = 2 335 927, Y = 579 466.
- + Nguồn số 03: Tọa độ: X = 2 335 915, Y = 579 438.
- + Nguồn số 04: Tọa độ: X = 2 335 896, Y = 579 430.
- + Nguồn số 05: Tọa độ: X = 2 335 940; Y = 579 463.
- + Nguồn số 06: Tọa độ: X = 2 335 927, Y = 579 443.
- + Nguồn số 07: Tọa độ: X = 2 335 910, Y = 579 421.
- + Nguồn số 08: Tọa độ: X = 2 335 889, Y = 579 417.
- + Nguồn số 09: Tọa độ: X = 2 336 046; Y = 579 432.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°)

**3. Giới hạn cho phép:**

Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:**

TT	Giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

### 3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị, đảm bảo động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn. Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung:

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng động cơ thiết bị định kỳ.
- Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

### 2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo: Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.





**Phụ lục 3**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ**  
**ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 27 /GPMT-BQL ngày 27 tháng 12 năm 2023  
của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	5.782
2	Hộp mực in thải	08 02 04	6
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	4
4	Bao bì cứng thải bằng nhựa (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	84
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	18 01 02	427
6	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	538
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 03	200
8	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 01	20.676
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>27.717</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Bavia kim loại	2.500
2	Giấy nén và giấy bìa	55,9
3	Thanh chặn gỗ hỏng	105,8
4	Chất thải rắn công nghiệp thông thường khác: Bavia kim loại, dây đai, vỏ bao bì, nilon thải	9,2
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	0,8
<b>Tổng khối lượng</b>		<b>2.671,7</b>



1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Chủng loại	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	40,32

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**

**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:**

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các thùng chuyên dụng có nắp đậy, dán mã CTNH dung tích 120 lít – 1.000 lít theo quy định.

2.1.2. Khu lưu giữ:

- 02 kho lưu chứa. Diện tích kho lưu chứa: 16,25 m<sup>2</sup>/kho.

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu giữ: Kho lưu giữ được bố trí phía sau khu nhà kho nguyên liệu, thành phẩm; có cảnh báo khu vực chứa CTNH; tường bao quanh xây bằng gạch, sàn đổ bê tông, có mái che kín, gắn biển tên và biển cảnh báo; sàn bê tông có khả năng chống thấm, gờ chống tràn 15cm; có vật liệu hấp thụ (cát khô) và xẻng sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy; xung quanh kho có rãnh thu 5x5cm, cuối kho có rãnh thu 40x40cm thu gom toàn bộ dầu thải trong trường hợp xảy ra sự cố tràn, đổ, rơi vãi dầu

2.1.3. Biện pháp quản lý: chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định.

**2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- 44 thùng chứa bằng kim loại, tổng dung tích 296,4 m<sup>3</sup> để lưu chứa các bavia kim loại, dây đai.

- Bể chứa bùn từ hệ thống xử lý nước thải: 6,8 m<sup>3</sup>

2.2.2. Khu lưu giữ:

- Diện tích khu vực lưu giữ: 16,25 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu giữ: Khu lưu giữ được bố trí phía sau khu nhà xưởng sản xuất, sàn bê tông có khả năng chống thấm, có mái che.

2.2.3. Biện pháp quản lý:

- Các bavia kim loại, dây đai chuyển giao cho đơn vị có đủ điều kiện thu mua.

- Các loại chất thải rắn công nghiệp thông thường khác: chuyển giao cho các



đơn vị có chức năng, thu gom xử lý.

- Bùn thải bể tự hoại, bùn thải hệ thống xử lý nước thải: chuyên giao đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:**

#### 2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa bằng nhựa dung tích 120 lít xung quanh các nhà xưởng, 5 xe dung tích 500 lít bố trí tại kho chứa chất thải sinh hoạt.

- Đối với bùn thải phát sinh tại hồ ga bùn thải từ bể tự hoại: định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút và vận chuyển đi xử lý.

#### 2.3.2. Khu lưu giữ:

- Diện tích khu vực lưu giữ: 16,66 m<sup>2</sup>.

- Thiết kế, cấu tạo của khu lưu giữ: Khu lưu giữ được bố trí phía sau khu nhà xưởng sản xuất, tường gạch, sàn bê tông, có mái che.

2.4. Yêu cầu chung đối với quản lý chất thải; các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải:

- Tuân thủ nghiêm túc việc thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó sự cố hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định pháp luật về thẩm duyệt, nghiệm thu Phòng cháy chữa cháy trước khi đi vào hoạt động.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải thường xuyên.



- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi quá trình hoạt động bảo đảm hoạt động ổn định của hệ thống xử lý chất thải.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí và thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.



**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 21/GPMT-BQL ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:**

Không thuộc đối tượng thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:**

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp phân loại rác thải tại nguồn.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng cháy chữa cháy, cứu nạn cứu hộ theo quy định hiện hành.

4. Công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đấu nối và xử lý sơ bộ nước thải đạt yêu cầu quy định của Khu công nghiệp Thăng Long.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường).

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.